

ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
ĐẢNG ỦY
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

*

Số **223**-CV/ĐU

V/v báo cáo, xin ý kiến về việc trình HĐND
thành phố ban hành Nghị quyết về mức chi
thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ,
công chức, viên chức làm việc trong các
cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các
Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ
do thành phố Hải Phòng quản lý

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hải Phòng, ngày **11** tháng **10** năm 2025

Kính gửi: Ban Thường vụ Thành ủy

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 52/2019/QH14 ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quy chế làm việc số 01-QC/TU ngày 01/7/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hải Phòng (sau hợp nhất), nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-HĐND ngày 18/8/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức,

viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố Hải Phòng quản lý theo trình tự, thủ tục rút gọn;

Xét báo cáo đề xuất của Ủy ban nhân dân thành phố, Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo, xin ý kiến Ban Thường vụ Thành ủy trước khi trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố Hải Phòng quản lý (sau đây gọi chung là Nghị quyết), cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

- Theo điểm d khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: “Ban hành Nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; ...”.

- Khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định: “Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó...”

- Theo điểm a, b khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3-Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật), Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

b) Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

- Ngày 13/11/2021, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 35/2021/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022 và được thực hiện trong 05 năm); theo đó: “Thành phố thực hiện cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. Sau khi ngân sách Thành phố bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền, Hội đồng nhân dân thành phố được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý theo hiệu quả công việc với mức không quá 0,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ hoặc mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo...”.

- Ngày 27/6/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 226/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng (có hiệu

lực thi hành từ ngày 01/7/2025 và thời gian thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù này là 05 năm) và Nghị quyết số 35/2021/QH15 hết hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025; theo đó: “*Thành phố thực hiện cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. Sau khi ngân sách Thành phố bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành trong thời gian thực hiện Nghị quyết này, Hội đồng nhân dân Thành phố được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để chi: 1. Thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do Thành phố quản lý theo hiệu quả công việc với mức không quá 0,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ hoặc mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo ...;*”.

- Theo khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh: “*Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Hải Phòng.*”

Theo khoản 1 Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025: “*Đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành 02 cấp, gồm có:*

- a) *Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*
- b) *Xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh.*”

Từ những lý do và căn cứ trên, cần thiết phải ban hành Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố quản lý.

2. Cơ sở thực tiễn

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/2021/QH15, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã tham mưu Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng thông qua Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Việc ban hành Nghị quyết đã đảm bảo cơ sở pháp lý để các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố Hải Phòng (cũ) quản lý thực hiện chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức theo đúng mức chi được cấp có thẩm quyền quy định để thực hiện cơ chế đặc thù đã được Quốc hội thông qua. Chính sách có tác dụng hỗ trợ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hải Phòng (cũ) ổn định tài chính, động viên, khuyến khích, tạo động lực cho cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả công tác, tiếp tục phát

huy, cống hiến, thực hiện mục tiêu phục vụ nhân dân, đóng góp vào sự phát triển của cơ quan, tổ chức, địa phương nơi công tác nói riêng và thành phố nói chung.

Tuy nhiên, việc hợp nhất thành phố Hải Phòng với tỉnh Hải Dương; việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo quy định của Trung ương kể từ ngày 01/7/2025 và việc ban hành Nghị quyết số 226/2025/QH15 (thay thế Nghị quyết số 35/2021/QH15) ảnh hưởng đến phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (mở rộng phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng đối với tỉnh Hải Dương cũ) và thời gian thực hiện của Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND (chính sách đặc thù được áp dụng đến tháng 7 năm 2030), từ đó ảnh hưởng đến quyền lợi và chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị của thành phố Hải Phòng (sau hợp nhất).

Để các quy định về chế độ, chính sách của cán bộ, công chức, viên chức tại thành phố phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, kịp thời có cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi, chế độ, chính sách của cán bộ, công chức, viên chức; động viên, khuyến khích, tạo động lực làm việc cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thành phố sau hợp nhất; việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố Hải Phòng quản lý (thay thế Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND) là hết sức cấp bách. Nếu không kịp thời thay thế mà tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND thì sẽ không phù hợp với các quy định của Trung ương, ảnh hưởng đến quyền lợi, chế độ, chính sách của cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời ảnh hưởng đến tâm lý của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (nhất là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hải Dương cũ).

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý để các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể thành phố quản lý thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức theo đúng mức chi được cấp có thẩm quyền quy định để thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù đã được Quốc hội thông qua.

- Hỗ trợ, động viên, khuyến khích, tạo động lực cho cán bộ, công chức, viên chức của thành phố nâng cao hiệu quả công tác, tiếp tục phát huy, cống hiến, thực hiện mục tiêu phục vụ nhân dân, đóng góp vào sự phát triển của cơ quan, tổ chức, địa phương nơi công tác nói riêng và thành phố nói chung.

2. Quan điểm

- Xây dựng mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở năng suất, hiệu quả làm việc trong khả năng, phạm vi cân đối của ngân sách thành phố nhằm đảm bảo tương xứng với năng suất lao động, khuyến khích, tạo động lực.

- Chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức gắn liền với cải cách hành chính, tinh giản biên chế, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập, góp phần nâng cao hiệu quả của khu vực hành chính công, nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

III. BỐ CỤC VÀ MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 06 Điều:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- Điều 2. Đối tượng áp dụng
- Điều 3. Nguyên tắc thực hiện
- Điều 4. Thời gian tính chi trả và mức chi trả thu nhập bình quân tăng thêm
- Điều 5. Kinh phí thực hiện
- Điều 6. Điều khoản thi hành

2. Nội dung cơ bản

2.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý và giao biên chế; những người đã được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng là công chức, viên chức hoặc được tuyển dụng theo quy định về tuyển dụng công chức, viên chức đang làm việc tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố quản lý và giao biên chế.

b) Đối tượng áp dụng

- Nhóm 1: Cán bộ, công chức đang làm việc trong các cơ quan thuộc khối chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý và giao biên chế; những người đã được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng là công chức hoặc được tuyển dụng theo quy định về tuyển dụng công chức hiện đang làm việc tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố quản lý và giao biên chế.

- Nhóm 2: Viên chức đang làm việc trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc khối chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý và giao biên chế; những người đã được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng là viên chức hoặc được tuyển dụng theo quy định về tuyển

dụng viên chức đang làm việc tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố quản lý và giao biên chế.

(Sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức).

2.2. Nguyên tắc thực hiện

- Thu nhập bình quân tăng thêm được thực hiện trên cơ sở hiệu quả công việc của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Việc đánh giá hiệu quả công việc căn cứ theo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định.

- Việc chi trả thu nhập bình quân tăng thêm của năm nào thì căn cứ vào kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức của năm đó và được chi trả vào năm sau liền kề.

- Trường hợp có thời gian công tác trong năm dưới 6 tháng hoặc không còn công tác đến thời điểm đánh giá, xếp loại: Cơ quan, đơn vị sử dụng có trách nhiệm đánh giá hiệu quả công việc, làm cơ sở chi trả thu nhập bình quân tăng thêm đối với thời gian công tác thực tế trong năm đó. Trường hợp chuyển công tác trước thời điểm đánh giá, xếp loại đến cơ quan, đơn vị không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị quyết: Cơ quan, đơn vị trước khi chuyển công tác căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại theo quy định, làm cơ sở chi trả thu nhập bình quân tăng thêm đối với thời gian công tác thực tế tại cơ quan, đơn vị trước khi chuyển công tác trong năm đó.

2.3. Thời gian tính chi trả và mức chi trả thu nhập bình quân tăng thêm

- Thời gian tính chi trả thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2026.

- Hệ số điều chỉnh thu nhập bình quân tăng thêm được tính theo lần mức lương ngạch bậc, chức vụ hoặc mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo, thực hiện như sau:

Năm	Hệ số điều chỉnh thu nhập bình quân tăng thêm			
	Nhóm 1		Nhóm 2	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>
Từ năm 2025 đến năm 2026	0,8	0,6	0,6	0,4

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN

1. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện chi trả thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể

do thành phố quản lý là nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương còn dư, được sử dụng như sau:

- (1). Nguồn kinh phí cải cách tiền lương ngân sách cấp tỉnh.
- (2). Nguồn kinh phí cải cách tiền lương ngân sách cấp xã.

Hiện nay, số dư nguồn kinh phí cải cách tiền lương của thành phố khoảng 16.600 tỷ đồng và dự kiến số tạo thêm nguồn kinh phí cải cách tiền lương đến năm 2030 khoảng 17.250 tỷ đồng. Như vậy nguồn kinh phí cải cách tiền lương đến năm 2030 dự kiến khoảng 33.850 tỷ đồng đủ đảm bảo chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức; viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến 01/7/2030.

Tuy nhiên, trước mắt Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố đề xuất tạm thực hiện Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến 31/12/2026 với các lý do sau:

- Từ năm 2027, bắt đầu thời kỳ ổn định mới, dự kiến Trung ương sẽ ban hành nhiều chính sách an sinh xã hội trong giai đoạn 2027-2030 (bao gồm các chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho các đối tượng, hỗ trợ chi phí mai táng, chi phí bảo trợ xã hội cho các đối tượng chính sách như người già và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người khuyết tật....) vì vậy khả năng sẽ tiếp tục phát sinh nhu cầu sử dụng nguồn kinh phí cải cách tiền lương.

- Giai đoạn 2027-2030 thành phố tiếp tục thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo chỉ đạo chung của Trung ương dự kiến tiếp tục phát sinh nhu cầu sử dụng từ nguồn kinh phí cải cách tiền lương.

- Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2026 với các quy định mới như số thu tiền đất điều tiết 20% về ngân sách trung ương; thuế giá trị gia tăng điều tiết 70% về ngân sách trung ương; thay đổi tỷ lệ điều tiết các khoản thu khác (hiện nay tỷ lệ này đang là trung ương hưởng 16%, địa phương hưởng 84%) dẫn tới:

+ Nguồn thu ngân sách giảm trong giai đoạn 2027-2030 ảnh hưởng tới khả năng cân đối nguồn lực để thực hiện các dự án kết nối vùng, kết nối quốc gia của thành phố. Trong trường hợp thành phố có nhu cầu triển khai dự án từ nguồn kinh phí cải cách tiền lương theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 159/2024/QH15 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2025¹, dẫn tới số dư nguồn kinh phí cải cách tiền lương tiếp tục giảm.

¹ Cho phép các địa phương sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư cho các dự án kết nối vùng, kết nối quốc gia, các công trình trọng điểm quốc gia thực hiện tại địa phương theo quy định của cấp có thẩm quyền trong trường hợp địa phương có nguồn dư lớn, cam kết bảo đảm nguồn kinh phí cải cách tiền lương và thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành cho cả lộ trình đến năm 2030 và không đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ.

+ Số tạo thêm nguồn kinh phí cải cách tiền lương trong giai đoạn 2027-2030 từ tăng thu ngân sách cũng bị ảnh hưởng giảm.

- Chính sách tiền lương mới áp dụng cho chính quyền 02 cấp dự kiến phát sinh nhu cầu sử dụng lớn từ nguồn cải cách tiền lương giai đoạn 2027-2030.

Các nhiệm vụ dự kiến phát sinh trong giai đoạn 2027-2030 đều chưa thể dự báo được kinh phí thực hiện do phụ thuộc vào các chính sách Trung ương ban hành. Do đó nguồn kinh phí cải cách tiền lương còn lại sau khi đã thực hiện chi trả chính sách thu nhập tăng thêm giai đoạn 01/7/2025 đến 31/12/2026, thành phố cần ưu tiên để bố trí cho các nhiệm vụ trên.

2. Dự kiến kinh phí thực hiện

Trên cơ sở số liệu cán bộ, công chức, viên chức được đánh giá, phân loại năm 2024 và bình quân mức chi thu nhập bình quân tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức năm 2024, dự kiến kinh phí chi thu nhập bình quân tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức thành phố như sau:

- Tổng kinh phí năm 2025 (6 tháng cuối năm):

+ Nhóm 1: 459.393,375 triệu đồng

+ Nhóm 2: 1.082.295,756 triệu đồng

- Tổng kinh phí năm 2026:

+ Nhóm 1: 918.786,750 triệu đồng

+ Nhóm 2: 2.164.591,512 triệu đồng

=> Tổng kinh phí thực hiện: 4.625.067,393 triệu đồng (*Chi tiết tại Biểu kèm theo*).

V. CÁC CÔNG VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Ban Thường vụ Thành ủy đối với chủ trương ban hành Nghị quyết; Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thiện dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, gửi Hội đồng nhân dân thành phố và Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân thành phố để thẩm tra.

2. Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo Sở Nội vụ tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố, hoàn thiện hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, duyệt ký Tờ trình, trình Hội đồng nhân dân thành phố.

3. Sau khi Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết, Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ Nghị quyết để thực hiện đảm bảo đúng quy định.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo, xin ý kiến Ban Thường vụ Thành ủy:

1. Đồng ý chủ trương trình Hội đồng nhân dân thành phố ban Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố Hải Phòng quản lý.

2. Giao Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, triển khai thực hiện các công việc tiếp theo, trình Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp 30 (kỳ họp chuyên đề) của Hội đồng nhân dân thành phố.

Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo, kính trình Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, cho ý kiến chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Các đ/c TV ĐU UBND TP,
- VP UBND TP,
- Sở Nội vụ,
- Lưu: VT.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Lê Anh Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2591 /UBND-NVKTGS

Hải Phòng, ngày 11 tháng 10 năm 2025

V/v báo cáo, xin chủ trương trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức

Kính gửi: Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố

Thực hiện Nghị quyết số 226/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng;

Thực hiện Quyết định số 34/QĐ-HĐND ngày 18/8/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc chấp thuận xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý;

Theo báo cáo, đề xuất của Sở Nội vụ tại Công văn số 7592/SNV-CCVC ngày 25/9/2025 về việc trình dự thảo Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố Hải Phòng quản lý và Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 377/BC-STP ngày 25/9/2025.

Ủy ban nhân dân thành phố dự kiến trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố Hải Phòng quản lý tại kỳ họp thứ 30 (kỳ họp chuyên đề) của Hội đồng nhân dân thành phố thay thế Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Căn cứ điểm 3.3 khoản 3 Điều 2 Quy chế làm việc số 01-QC/TU ngày 01/7/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hải Phòng: “Ban Thường vụ Thành ủy quyết định chủ trương, giải pháp về sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế và chính sách cán bộ thuộc thẩm quyền”.

Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo, xin ý kiến Ban Thường vụ Thành ủy:



Đồng ý chủ trương trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố Hải Phòng quản lý tại kỳ họp thứ 30 (kỳ họp chuyên đề) của Hội đồng nhân dân thành phố.

(Xin gửi kèm dự thảo văn bản trình Ban Thường vụ Thành ủy và các tài liệu liên quan)

Kính trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND TP;
- VP TU;
- Sở Nội vụ;
- CVP, PCVP Trần Văn Thiện;
- Các Phòng: NVKTGS, TH;
- Lưu: VT, P.T.Nguyệt.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Hùng

ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
ĐẢNG ỦY
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

*

Số -CV/ĐU

*V/v báo cáo, xin ý kiến về việc trình HĐND
thành phố ban hành Nghị quyết về mức chi
thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ,
công chức, viên chức làm việc trong các
cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các
Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ
do thành phố Hải Phòng quản lý*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

Kính gửi: Ban Thường vụ Thành ủy

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 52/2019/QH14 ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quy chế làm việc số 01-QC/TU ngày 01/7/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hải Phòng (sau hợp nhất), nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-HĐND ngày 18/8/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức,

viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố Hải Phòng quản lý theo trình tự, thủ tục rút gọn;

Xét báo cáo đề xuất của Ủy ban nhân dân thành phố, Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo, xin ý kiến Ban Thường vụ Thành ủy trước khi trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố Hải Phòng quản lý (sau đây gọi chung là *Nghị quyết*), cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

- Theo điểm d khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: *“Ban hành Nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; ...”*.

- Khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định: *“Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó...”*

- Theo điểm a, b khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật), Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

b) Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

- Ngày 13/11/2021, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 35/2021/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022 và được thực hiện trong 05 năm); theo đó: *“Thành phố thực hiện cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. Sau khi ngân sách Thành phố bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền, Hội đồng nhân dân thành phố được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý theo hiệu quả công việc với mức không quá 0,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ hoặc mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo...”*.

- Ngày 27/6/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 226/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng (có hiệu

lực thi hành từ ngày 01/7/2025 và thời gian thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù này là 05 năm) và Nghị quyết số 35/2021/QH15 hết hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025; theo đó: “Thành phố thực hiện cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. Sau khi ngân sách Thành phố bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành trong thời gian thực hiện Nghị quyết này, Hội đồng nhân dân Thành phố được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để chi: 1. Thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do Thành phố quản lý theo hiệu quả công việc với mức không quá 0,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ hoặc mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo ...;”.

- Theo khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh: “Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Hải Phòng.”

Theo khoản 1 Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025: “Đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành 02 cấp, gồm có:

- a) Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- b) Xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh.”

Từ những lý do và căn cứ trên, cần thiết phải ban hành Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố quản lý.

2. Cơ sở thực tiễn

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/2021/QH15, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã tham mưu Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng thông qua Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Việc ban hành Nghị quyết đã đảm bảo cơ sở pháp lý để các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố Hải Phòng (cũ) quản lý thực hiện chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức theo đúng mức chi được cấp có thẩm quyền quy định để thực hiện cơ chế đặc thù đã được Quốc hội thông qua. Chính sách có tác dụng hỗ trợ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hải Phòng (cũ) ổn định tài chính, động viên, khuyến khích, tạo động lực cho cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả công tác, tiếp tục phát

huy, cống hiến, thực hiện mục tiêu phục vụ nhân dân, đóng góp vào sự phát triển của cơ quan, tổ chức, địa phương nơi công tác nói riêng và thành phố nói chung.

Tuy nhiên, việc hợp nhất thành phố Hải Phòng với tỉnh Hải Dương; việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo quy định của Trung ương kể từ ngày 01/7/2025 và việc ban hành Nghị quyết số 226/2025/QH15 (thay thế Nghị quyết số 35/2021/QH15) ảnh hưởng đến phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (mở rộng phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng đối với tỉnh Hải Dương cũ) và thời gian thực hiện của Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND (chính sách đặc thù được áp dụng đến tháng 7 năm 2030), từ đó ảnh hưởng đến quyền lợi và chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị của thành phố Hải Phòng (sau hợp nhất).

Để các quy định về chế độ, chính sách của cán bộ, công chức, viên chức tại thành phố phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, kịp thời có cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi, chế độ, chính sách của cán bộ, công chức, viên chức; động viên, khuyến khích, tạo động lực làm việc cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thành phố sau hợp nhất; việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố Hải Phòng quản lý (thay thế Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND) là hết sức cấp bách. Nếu không kịp thời thay thế mà tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND thì sẽ không phù hợp với các quy định của Trung ương, ảnh hưởng đến quyền lợi, chế độ, chính sách của cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời ảnh hưởng đến tâm lý của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (nhất là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hải Dương cũ).

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý để các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể thành phố quản lý thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức theo đúng mức chi được cấp có thẩm quyền quy định để thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù đã được Quốc hội thông qua.

- Hỗ trợ, động viên, khuyến khích, tạo động lực cho cán bộ, công chức, viên chức của thành phố nâng cao hiệu quả công tác, tiếp tục phát huy, cống hiến, thực hiện mục tiêu phục vụ nhân dân, đóng góp vào sự phát triển của cơ quan, tổ chức, địa phương nơi công tác nói riêng và thành phố nói chung.

2. Quan điểm

- Xây dựng mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở năng suất, hiệu quả làm việc trong khả năng, phạm vi cân đối của ngân sách thành phố nhằm đảm bảo tương xứng với năng suất lao động, khuyến khích, tạo động lực.

- Chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức gắn liền với cải cách hành chính, tinh giản biên chế, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập, góp phần nâng cao hiệu quả của khu vực hành chính công, nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

III. BỐ CỤC VÀ MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 06 Điều:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- Điều 2. Đối tượng áp dụng
- Điều 3. Nguyên tắc thực hiện
- Điều 4. Thời gian tính chi trả và mức chi trả thu nhập bình quân tăng thêm
- Điều 5. Kinh phí thực hiện
- Điều 6. Điều khoản thi hành

2. Nội dung cơ bản

2.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý và giao biên chế; những người đã được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng là công chức, viên chức hoặc được tuyển dụng theo quy định về tuyển dụng công chức, viên chức đang làm việc tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố quản lý và giao biên chế,

b) Đối tượng áp dụng

- Nhóm 1: Cán bộ, công chức đang làm việc trong các cơ quan thuộc khối chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý và giao biên chế; những người đã được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng là công chức hoặc được tuyển dụng theo quy định về tuyển dụng công chức hiện đang làm việc tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố quản lý và giao biên chế.

- Nhóm 2: Viên chức đang làm việc trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc khối chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý và giao biên chế; những người đã được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng là viên chức hoặc được tuyển dụng theo quy định về tuyển

dụng viên chức đang làm việc tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố quản lý và giao biên chế.

(Sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức).

2.2. Nguyên tắc thực hiện

- Thu nhập bình quân tăng thêm được thực hiện trên cơ sở hiệu quả công việc của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Việc đánh giá hiệu quả công việc căn cứ theo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định.

- Việc chi trả thu nhập bình quân tăng thêm của năm nào thì căn cứ vào kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức của năm đó và được chi trả vào năm sau liền kề.

- Trường hợp có thời gian công tác trong năm dưới 6 tháng hoặc không còn công tác đến thời điểm đánh giá, xếp loại: Cơ quan, đơn vị sử dụng có trách nhiệm đánh giá hiệu quả công việc, làm cơ sở chi trả thu nhập bình quân tăng thêm đối với thời gian công tác thực tế trong năm đó. Trường hợp chuyển công tác trước thời điểm đánh giá, xếp loại đến cơ quan, đơn vị không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị quyết: Cơ quan, đơn vị trước khi chuyển công tác căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại theo quy định, làm cơ sở chi trả thu nhập bình quân tăng thêm đối với thời gian công tác thực tế tại cơ quan, đơn vị trước khi chuyển công tác trong năm đó.

2.3. Thời gian tính chi trả và mức chi trả thu nhập bình quân tăng thêm

- Thời gian tính chi trả thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2026.

- Hệ số điều chỉnh thu nhập bình quân tăng thêm được tính theo lần mức lương ngạch bậc, chức vụ hoặc mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo, thực hiện như sau:

Năm	Hệ số điều chỉnh thu nhập bình quân tăng thêm			
	Nhóm 1		Nhóm 2	
	Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
Từ năm 2025 đến năm 2026	0,8	0,6	0,6	0,4

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN

1. Dự kiến kinh phí thực hiện

Trên cơ sở số liệu cán bộ, công chức, viên chức được đánh giá, phân loại năm 2024 và bình quân mức chi thu nhập bình quân tăng thêm đối với cán bộ,

công chức, viên chức năm 2024, dự kiến kinh phí chi thu nhập bình quân tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức thành phố như sau:

- Tổng kinh phí năm 2025 (6 tháng cuối năm):

+ Nhóm 1: 459.393,375 triệu đồng

+ Nhóm 2: 1.082.295,756 triệu đồng

- Tổng kinh phí năm 2026:

+ Nhóm 1: 918.786,750 triệu đồng

+ Nhóm 2: 2.164.591,512 triệu đồng

=> Tổng kinh phí thực hiện: 4.625.067,393 triệu đồng (Chi tiết tại Biểu kèm theo).

2. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện chi trả thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý là nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương còn dư, được sử dụng như sau:

(1). Nguồn kinh phí cải cách tiền lương ngân sách cấp tỉnh.

(2). Nguồn kinh phí cải cách tiền lương ngân sách cấp xã.

Hiện nay, số dư nguồn kinh phí cải cách tiền lương của thành phố khoảng 16.600 tỷ đồng và dự kiến số tạo thêm nguồn kinh phí cải cách tiền lương đến năm 2030 khoảng 17.250 tỷ đồng. Như vậy nguồn kinh phí cải cách tiền lương đến năm 2030 dự kiến khoảng 33.850 tỷ đồng đủ đảm bảo chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến 01/7/2030.

Tuy nhiên, trước mắt Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố đề xuất tạm thực hiện Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến 31/12/2026 với các lý do sau:

- Từ năm 2027, bắt đầu thời kỳ ổn định mới, dự kiến Trung ương sẽ ban hành nhiều chính sách an sinh xã hội trong giai đoạn 2027-2030 (bao gồm các chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho các đối tượng, hỗ trợ chi phí mai táng, chi phí bảo trợ xã hội cho các đối tượng chính sách như người già và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người khuyết tật...) vì vậy khả năng sẽ tiếp tục phát sinh nhu cầu sử dụng nguồn kinh phí cải cách tiền lương.

- Giai đoạn 2027-2030 thành phố tiếp tục thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo chỉ đạo chung của Trung ương dự kiến tiếp tục phát sinh nhu cầu sử dụng từ nguồn kinh phí cải cách tiền lương.

- Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2026 với các quy định mới như số thu tiền đất điều tiết 20% về ngân sách trung ương; thuế giá trị gia tăng điều tiết 70% về ngân sách trung ương; thay đổi tỷ lệ điều tiết các khoản thu khác (hiện nay tỷ lệ này đang là trung ương hưởng 16%, địa phương hưởng 84%) dẫn tới:

+ Nguồn thu ngân sách giảm trong giai đoạn 2027-2030 ảnh hưởng tới khả năng cân đối nguồn lực để thực hiện các dự án kết nối vùng, kết nối quốc gia của thành phố. Trong trường hợp thành phố có nhu cầu triển khai dự án từ nguồn kinh phí cải cách tiền lương theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 159/2024/QH15 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2025¹, dẫn tới số dư nguồn kinh phí cải cách tiền lương tiếp tục giảm.

+ Số tạo thêm nguồn kinh phí cải cách tiền lương trong giai đoạn 2027-2030 từ tăng thu ngân sách cũng bị ảnh hưởng giảm.

- Chính sách tiền lương mới áp dụng cho chính-quyền 02 cấp dự kiến phát sinh nhu cầu sử dụng lớn từ nguồn cải cách tiền lương giai đoạn 2027-2030.

Các nhiệm vụ dự kiến phát sinh trong giai đoạn 2027-2030 đều chưa thể dự báo được kinh phí thực hiện do phụ thuộc vào các chính sách Trung ương ban hành. Do đó nguồn kinh phí cải cách tiền lương còn lại sau khi đã thực hiện chi trả chính sách thu nhập tăng thêm giai đoạn 01/7/2025 đến 31/12/2026, thành phố cần ưu tiên để bố trí cho các nhiệm vụ trên.

V. CÁC CÔNG VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Ban Thường vụ Thành ủy đối với chủ trương ban hành Nghị quyết; Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thiện dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, gửi Hội đồng nhân dân thành phố và Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân thành phố để thẩm tra.

2. Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo Sở Nội vụ tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố, hoàn thiện hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, duyệt ký Tờ trình, trình Hội đồng nhân dân thành phố.

3. Sau khi Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết, Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ Nghị quyết để thực hiện đảm bảo đúng quy định.

¹ Cho phép các địa phương sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư cho các dự án kết nối vùng, kết nối quốc gia, các công trình trọng điểm quốc gia thực hiện tại địa phương theo quy định của cấp có thẩm quyền trong trường hợp địa phương có nguồn dư lớn, cam kết bảo đảm nguồn kinh phí cải cách tiền lương và thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành cho cả lộ trình đến năm 2030 và không đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo, xin ý kiến Ban Thường vụ Thành ủy:

1. Đồng ý chủ trương trình Hội đồng nhân dân thành phố ban Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố Hải Phòng quản lý.

2. Giao Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, triển khai thực hiện các công việc tiếp theo, trình Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp 30 (kỳ họp chuyên đề) của Hội đồng nhân dân thành phố.

Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo, kính trình Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, cho ý kiến chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Các đ/c TV ĐU UBND TP,
- VP UBND TP,
- Sở Nội vụ,
- Lưu: VT.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

Lê Anh Quân

BIỂU TỔNG HỢP DỰ KIẾN MỨC CHI THU NHẬP BÌNH QUÂN TĂNG THÊM CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

STT	Năm	Tổng số lượng cán bộ, công chức, viên chức		Dự kiến số lượng % người được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên		Dự kiến số lượng cán bộ, công chức, viên chức được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên		Dự kiến mức chi thu nhập bình quân tăng thêm 01 người/01 năm		Dự kiến tổng mức chi thu nhập bình quân tăng thêm		Dự kiến tổng mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức	Chú ch
		Cán bộ, công chức	Viên chức	Cán bộ, công chức	Viên chức	Cán bộ, công chức	Viên chức	Cán bộ, công chức	Viên chức	Cán bộ, công chức	Viên chức		
1	6 tháng cuối năm 2025	12196	65484	99,01%	99,45%	12075	65124	76.090.000	33.238.000	459.393.375.000	1.082.295.756.000	1.541.689.131.000	
2	Năm 2026	12196	65484	99,01%	99,45%	12075	65124	76.090.000	33.238.000	918.786.750.000	2.164.591.512.000	3.083.378.262.000	
	Tổng	12196	65484	99,01%	99,45%	12075	65124	76.090.000	33.238.000	1.378.180.125.000	3.246.887.268.000	4.625.067.393.000	

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7029 /STC-QLNS

Hải Phòng, ngày 9 tháng 10 năm 2025

V/v thời gian thực hiện chi trả thu nhập
bình quân tăng thêm cho cán bộ, công
chức, viên chức

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG

ĐẾN Số: **52389**
Ngày: **10/10/2025**
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố.

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ
CT L.N.Châu	X
PCT TT L.A.Quân	X
PCT N.M.Hùng	X
PCT T.V.Quân	X
PCT H.M.Cường	X
CVP H.V.Thực	X
PCVP N.H.Long	X
PCVP T.V.Thiện	X
PCVP N.T.Hùng	X
PCVP P.A.Tuấn	X
PCVP P.Q.Hưng	X
PCVP P.H.Hoàng	X
P. NV&KT,GS	X
P. NC	X
P. NN&MT	X
P. TC	X
P. TH	X
P. VX	X
P. XD&CT	X
Ban TCDTP	X
P. HC-QT	X
TTPVHCCTP	X
TTHN&NKTP	X
Cổng TTĐTTP	X

Ngày 25/9/2025, Sở Nội vụ có Văn bản số 7592/SNV-CCVC trình UBND thành phố về Dự thảo Nghị quyết mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố Hải Phòng quản lý (sau đây gọi là **Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm**) với thời gian thực hiện từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2026.

Để bổ sung làm rõ về mốc thời gian thực hiện Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2026, Sở Tài chính báo cáo UBND thành phố như sau:

1. Hiện nay, số dư nguồn kinh phí cải cách tiền lương của thành phố khoảng 16.600 tỷ đồng và dự kiến số tạo thêm nguồn kinh phí cải cách tiền lương đến năm 2030 khoảng 17.250 tỷ đồng. Như vậy nguồn kinh phí cải cách tiền lương đến năm 2030 dự kiến khoảng 33.850 tỷ đồng đủ đảm bảo chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến 01/7/2030.

Tuy nhiên, Sở Tài chính đề xuất trước mắt tạm thực hiện Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm trong giai đoạn từ 01/7/2025 đến 31/12/2026 với các lý do sau:

- Từ năm 2027, bắt đầu thời kỳ ổn định mới, dự kiến Trung ương sẽ ban hành nhiều chính sách an sinh xã hội trong giai đoạn 2027-2030 (bao gồm các chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho các đối tượng, hỗ trợ chi phí mai táng, chi phí bảo trợ xã hội cho các đối tượng chính sách như người già và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người khuyết tật...) vì vậy khả năng sẽ tiếp tục phát sinh nhu cầu sử dụng nguồn kinh phí cải cách tiền lương.

- Giai đoạn 2027-2030 thành phố tiếp tục thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo chỉ đạo chung của Trung ương dự kiến tiếp tục phát sinh nhu cầu sử dụng từ nguồn kinh phí cải cách tiền lương.

- Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2026 với các quy định mới như số thu tiền đất điều tiết 20% về ngân sách trung ương; thuế giá trị gia tăng điều tiết 70% về ngân sách trung ương; thay đổi tỷ lệ điều

tiết các khoản thu khác (hiện nay tỷ lệ này đang là trung ương hưởng 16%, địa phương hưởng 84%) dẫn tới:

+ Nguồn thu ngân sách giảm trong giai đoạn 2027-2030 ảnh hưởng tới khả năng cân đối nguồn lực để thực hiện các dự án kết nối vùng, kết nối quốc gia của thành phố. Trong trường hợp thành phố có nhu cầu triển khai dự án từ nguồn kinh phí cải cách tiền lương theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 159/2024/QH15 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2025¹, dẫn tới số dư nguồn kinh phí cải cách tiền lương tiếp tục giảm.

+ Số tạo thêm nguồn kinh phí cải cách tiền lương trong giai đoạn 2027-2030 từ tăng thu ngân sách cũng bị ảnh hưởng giảm.

- Chính sách tiền lương mới áp dụng cho chính quyền 02 cấp dự kiến phát sinh nhu cầu sử dụng lớn từ nguồn cải cách tiền lương giai đoạn 2027-2030.

Các nhiệm vụ dự kiến phát sinh trong giai đoạn 2027-2030 đều chưa thể dự báo được kinh phí thực hiện do phụ thuộc vào các chính sách Trung ương ban hành. Do đó nguồn kinh phí cải cách tiền lương còn lại sau khi đã thực hiện chi trả chính sách thu nhập tăng thêm giai đoạn 01/7/2025 đến 31/12/2026, thành phố cần ưu tiên để bố trí cho các nhiệm vụ trên.

2. Về kinh phí thực hiện Nghị quyết từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2026 dự trù khoảng 4.625.067.393.000 đồng, Nguồn kinh phí cải cách tiền lương của thành phố đảm bảo đủ thực hiện.

3. Từ năm 2027, bắt đầu thời kỳ ổn định mới, Sở Tài chính tiếp tục tính toán cụ thể nguồn kinh phí cải cách tiền lương có thể tạo thêm trong giai đoạn 2027-2030 và phối hợp cùng Sở Nội vụ trình UBND thành phố xem xét, quyết định thực hiện Nghị quyết về mức chi thu nhập tăng thêm trong giai đoạn từ 01/01/2027 đến 01/7/2030.

Sở Tài chính báo cáo UBND thành phố nội dung giải trình bổ sung về thời gian thực hiện Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD T.T.H. Hà.
- Lưu: VT, QLNS.BTH.T.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Tú

¹ Cho phép các địa phương sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư cho các dự án kết nối vùng, kết nối quốc gia, các công trình trọng điểm quốc gia thực hiện tại địa phương theo quy định của cấp có thẩm quyền trong trường hợp địa phương có nguồn dư lớn, cam kết bảo đảm nguồn kinh phí cải cách tiền lương và thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành cho cả lộ trình đến năm 2030 và không đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ.

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 377 /BC-STP

Hải Phòng, ngày 25 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố Hải Phòng quản lý

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG	
ĐẾN	Số: 48647
	Ngày: 26/09/2025
Chuyển:	
Số và ký hiệu HS:	
ĐƠN VỊ	CHỦ THAM
CT L.N.Châu	17/9/2025
PCT TT L.A.Quân	X
PCT N.M.Hùng	
PCT T.V.Quân	
PCT H.M.Cường	
CVP H.V.Thực	X
PCVP N.H.Long	
PCVP T.V.Thiện	X
PCVP N.T.Hùng	
PCVP P.A.Tuấn	
PCVP P.Q.Hùng	
PCVP P.H.Hoàng	
P. NV&KT,GS	X
P. NC	
P. NN&MT	
P. TC	
P. TH	
P. VX	52/2019/QH14;
P. XD&CT	
Ban TCDTP	
P. HC-QT	
TTPVHCCTP	
TTHN&NKTP	
Cổng TTĐTTP	

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Công văn số 7278/SNV-CCVC ngày 17/9/2025 về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố Hải Phòng quản lý;

Căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật đã được rà soát làm cơ sở pháp lý để thẩm định, gồm:

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
- Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;
- Luật Viên chức số 58/2010/QH12; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 52/2019/QH14;
- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;
- Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về thi điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Sở Tư pháp báo cáo thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết trên như sau:

1. Về sự cần thiết ban hành văn bản

Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 226/2025/QH15 thì: “Sau khi ngân sách Thành phố bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành trong thời gian thực hiện Nghị quyết này, Hội đồng nhân dân Thành phố được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để chi: Thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do Thành phố quản lý theo hiệu quả công việc với mức không quá 0,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ hoặc mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo...”.

Theo quy định tại điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 thì Hội đồng nhân dân các cấp có nhiệm vụ: “Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”.

Theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15) thì: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: “Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên” và “Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương”.

Như vậy, việc Sở Nội vụ xây dựng, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố Hải Phòng quản lý là có cơ sở pháp lý và thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 1, Điều 2 về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng có quy định cho “những người được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng là công chức, viên chức và những người được tuyển dụng theo quy định về tuyển dụng công chức, viên chức đang làm việc tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố quản lý và giao biên chế”.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 226/2025/QH15 thì: “Hội đồng nhân dân thành phố được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn

đư của ngân sách Thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để chi: Thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do Thành phố quản lý ...”.

Như vậy, việc đề xuất chi thu nhập bình quân tăng thêm cho nhóm đối tượng là: *“những người được tuyển dụng theo quy định về tuyển dụng công chức, viên chức làm việc tại các Hội do thành phố quản lý và giao biên chế”* là xuất phát từ yêu cầu thực tế của thành phố thuộc trường hợp Hội đồng nhân dân thành phố quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương theo quy định tại điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13. Do đó, đề nghị Sở Nội vụ cần báo cáo, giải trình cụ thể về đề xuất chi thu nhập bình quân tăng thêm cho nhóm đối tượng này tại dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với chủ trương, đường lối của Đảng

Nội dung dự thảo phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng.

4. Về tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất của dự thảo

Nội dung quy định tại dự thảo là phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Về nguồn tài chính

Tại Công văn số 5759/STC-TCHCSN ngày 11/9/2025, Sở Tài chính đã có ý kiến tham gia về nguồn kinh phí thực hiện. Đề nghị, Sở Nội vụ xem xét, báo cáo giải trình cụ thể về nội dung này.

6. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo

Tên của dự thảo là: *“Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố Hải Phòng quản lý”*; tuy nhiên, Điều 1 phạm vi điều chỉnh của văn bản lại quy định: *“Nghị quyết này quy định về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý và giao biên chế; những người được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng là công chức, viên chức và những người được tuyển dụng theo quy định về tuyển dụng công chức, viên chức đang làm việc tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố quản lý và giao biên chế”* là không thống nhất. Đề nghị chỉnh lý.

7. Về trình tự, thủ tục

a) Về căn cứ đề xuất xây dựng, ban hành nghị quyết theo trình tự rút gọn:

Thực hiện Nghị quyết số 35/2021/QH15, Sở Nội vụ đã tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (cũ) trình Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (cũ) ban hành Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023).

Tuy nhiên, việc hợp nhất thành phố Hải Phòng (cũ) với tỉnh Hải Dương, việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo quy định của Trung ương kể từ ngày 01/7/2025 và việc Quốc hội ban hành Nghị quyết số 226/2025/QH15 (thay thế Nghị quyết số 35/2021/QH15) đã ảnh hưởng đến phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, thời gian thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND (mở rộng thêm phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng đối với tỉnh Hải Dương và chế độ, chính sách được áp dụng đến ngày 01/7/2030), từ đó ảnh hưởng đến quyền lợi và chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị của thành phố Hải Phòng (sau hợp nhất).

Để các quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức tại thành phố phù hợp với quy định của pháp luật, kịp thời có cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện việc chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định; đảm bảo quyền lợi, chế độ, chính sách của cán bộ, công chức, viên chức, động viên, khuyến khích, tạo động lực làm việc cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thành phố sau hợp nhất; việc đề xuất xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố Hải Phòng quản lý (thay thế Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND) là hết sức cấp bách. Nếu không kịp thời thay thế mà tiếp tục thực hiện các nghị quyết này thì sẽ không phù hợp với các quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi, chế độ, chính sách của cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời ảnh hưởng đến tâm lý của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (nhất là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hải Dương cũ).

Như vậy, việc đề xuất xây dựng, ban hành nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn là cần thiết thuộc trường hợp quy định tại điểm b, d khoản 1 Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, theo đó: Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn thuộc trường hợp sau đây: “*Trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn*” và “*trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành*”.

Việc đề xuất xây dựng Nghị quyết theo trình tự, thủ tục rút gọn đã được Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận tại Quyết định số 34/QĐ-HĐND ngày 18/8/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố.

b) Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Nội vụ thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15) và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

Hồ sơ dự thảo *Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố Hải Phòng quản lý* do Sở Nội vụ chủ trì soạn thảo đủ điều kiện báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố sau khi tiếp thu đầy đủ ý kiến thẩm định tại Báo cáo này.

Sở Tư pháp gửi Sở Nội vụ - cơ quan chủ trì soạn thảo để tiếp thu, hoàn thiện, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- UBND TP (để b/c)
- Lưu: VT, P.XDVB, PLTT (A1B2).

GIÁM ĐỐC



Ngô Quang Giáp

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-NVKTGS

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

V/v báo cáo, xin chủ trương trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức

Kính gửi: Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố

Thực hiện Nghị quyết số 226/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng;

Thực hiện Quyết định số 34/QĐ-HĐND ngày 18/8/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc chấp thuận xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý;

Theo báo cáo, đề xuất của Sở Nội vụ tại Công văn số 7592/SNV-CCVC ngày 25/9/2025 về việc trình dự thảo Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố Hải Phòng quản lý và Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 377/BC-STP ngày 25/9/2025.

Ủy ban nhân dân thành phố dự kiến trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố Hải Phòng quản lý tại kỳ họp thứ 30 (kỳ họp chuyên đề) của Hội đồng nhân dân thành phố thay thế Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Căn cứ điểm 3.3 khoản 3 Điều 2 Quy chế làm việc số 01-QC/TU ngày 01/7/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hải Phòng: “Ban Thường vụ Thành ủy quyết định chủ trương, giải pháp về sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế và chính sách cán bộ thuộc thẩm quyền”.

Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo, trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo, xin ý kiến Ban Thường vụ Thành ủy:

Đồng ý chủ trương trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố Hải Phòng quản lý tại kỳ họp thứ 30 (kỳ họp chuyên đề) của Hội đồng nhân dân thành phố.

(Xin gửi kèm dự thảo văn bản trình Ban Thường vụ Thành ủy và các tài liệu liên quan)

Kính trình Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND TP;
- VP TU;
- Sở Nội vụ;
- CVP, PCVP Trần Văn Thiện;
- Các Phòng: NVKTGS, TH;
- Lưu: VT, P.T.Nguyệt.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Hùng

Số: /TTr-UBND
(Dự thảo)

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố Hải Phòng quản lý

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố

Thực hiện quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025;

Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố Hải Phòng quản lý (sau đây gọi tắt là Nghị quyết) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

- Theo điểm d khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: “Ban hành Nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; ...”.

- Khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định: “Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó...”

- Theo điểm a, b khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật), Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

b) Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

- Ngày 13/11/2021, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 35/2021/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022 và được thực hiện trong 05 năm); theo đó: *“Thành phố thực hiện cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. Sau khi ngân sách Thành phố bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền, Hội đồng nhân dân thành phố được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý theo hiệu quả công việc với mức không quá 0,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ hoặc mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo...”*

- Ngày 27/6/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 226/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025 và thời gian thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù này là 05 năm) và Nghị quyết số 35/2021/QH15 hết hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025; theo đó: *“Thành phố thực hiện cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. Sau khi ngân sách Thành phố bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành trong thời gian thực hiện Nghị quyết này, Hội đồng nhân dân Thành phố được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để chi: 1. Thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do Thành phố quản lý theo hiệu quả công việc với mức không quá 0,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ hoặc mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo ...;”*

- Theo khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh: *“Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Hải Phòng.”*

Theo khoản 1 Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025: *“Đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành 02 cấp, gồm có:*

- a) Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*
- b) Xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh.”*

Từ những lý do và căn cứ trên, cần thiết phải ban hành Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý.

2. Cơ sở thực tiễn

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/2021/QH15, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã tham mưu Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng thông qua Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Việc ban hành Nghị quyết đã đảm bảo cơ sở pháp lý để các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố Hải Phòng (cũ) quản lý thực hiện chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức theo đúng mức chi được cấp có thẩm quyền quy định để thực hiện cơ chế đặc thù đã được Quốc hội thông qua. Chính sách có tác dụng hỗ trợ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hải Phòng (cũ) ổn định tài chính, động viên, khuyến khích, tạo động lực cho cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả công tác, tiếp tục phát huy, cống hiến, thực hiện mục tiêu phục vụ nhân dân, đóng góp vào sự phát triển của cơ quan, tổ chức, địa phương nơi công tác nói riêng và thành phố nói chung.

Tuy nhiên, việc hợp nhất thành phố Hải Phòng với tỉnh Hải Dương; việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo quy định của Trung ương kể từ ngày 01/7/2025 và việc ban hành Nghị quyết số 226/2025/QH15 (thay thế Nghị quyết số 35/2021/QH15) ảnh hưởng đến phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (mở rộng phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng đối với tỉnh Hải Dương cũ) và thời gian thực hiện của Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND (chính sách đặc thù được áp dụng đến tháng 7 năm 2030), từ đó ảnh hưởng đến quyền lợi và chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị của thành phố Hải Phòng (sau hợp nhất).

Để các quy định về chế độ, chính sách của cán bộ, công chức, viên chức tại thành phố phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, kịp thời có cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi, chế độ, chính sách của cán bộ, công chức, viên chức; động viên, khuyến khích, tạo động lực làm việc cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thành phố sau hợp nhất; việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố Hải Phòng quản lý (thay thế Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND) là hết sức cấp bách. Nếu không kịp thời thay thế mà tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND thì sẽ không phù hợp với các quy định của Trung ương, ảnh hưởng đến quyền lợi, chế độ, chính sách của cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời ảnh hưởng đến tâm lý của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (nhất là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hải Dương cũ).

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý để các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể thành phố quản lý thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức theo đúng mức chi được cấp có thẩm quyền quy định để thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù đã được Quốc hội thông qua.

- Hỗ trợ, động viên, khuyến khích, tạo động lực cho cán bộ, công chức, viên chức của thành phố nâng cao hiệu quả công tác, tiếp tục phát huy, cống hiến, thực hiện mục tiêu phục vụ nhân dân, đóng góp vào sự phát triển của cơ quan, tổ chức, địa phương nơi công tác nói riêng và thành phố nói chung.

2. Quan điểm

- Xây dựng mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở năng suất, hiệu quả làm việc trong khả năng, phạm vi cân đối của ngân sách thành phố nhằm đảm bảo tương xứng với năng suất lao động, khuyến khích, tạo động lực.

- Chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức gắn liền với cải cách hành chính, tinh giản biên chế, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập, góp phần nâng cao hiệu quả của khu vực hành chính công, nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

- Ngày 27/6/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 226/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025 và thời gian thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù này là 05 năm) và Nghị quyết số 35/2021/QH15 hết hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025; theo đó: *“Thành phố thực hiện cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. Sau khi ngân sách Thành phố bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành trong thời gian thực hiện Nghị quyết này, Hội đồng nhân dân Thành phố được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để chi: 1. Thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do Thành phố quản lý theo hiệu quả công việc với mức không quá 0,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ hoặc mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo ...”*.

Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành, Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉ đạo Sở Nội vụ triển khai thực hiện các nội dung sau:

- (1). Xây dựng dự thảo Nghị quyết.
- (2). Gửi xin ý kiến của Sở Tài chính, Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết.
- (3). Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của Sở Tài chính, Sở Tư pháp; hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, gửi Sở Tư pháp thẩm định.

(4). Tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp để hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

(5). Dự thảo văn bản của Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo, xin ý kiến Ban Thường vụ Thành ủy trước khi trình Hội đồng nhân dân thành phố.

(6). Sau khi tiếp thu ý kiến của Ban Thường vụ Thành ủy, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân thành phố và gửi Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố để thẩm tra.

(7). Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân thành phố.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 06 Điều:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- Điều 2. Đối tượng áp dụng
- Điều 3. Nguyên tắc thực hiện
- Điều 4. Thời gian tính chi trả và mức chi trả thu nhập bình quân tăng thêm
- Điều 5. Kinh phí thực hiện
- Điều 6. Điều khoản thi hành

2. Nội dung cơ bản

2.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý và giao biên chế; những người đã được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng là công chức, viên chức hoặc được tuyển dụng theo quy định về tuyển dụng công chức, viên chức đang làm việc tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố quản lý và giao biên chế.

b) Đối tượng áp dụng

- Nhóm 1: Cán bộ, công chức đang làm việc trong các cơ quan thuộc khối chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý và giao biên chế; những người được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng là công chức hoặc được tuyển dụng theo quy định về tuyển dụng công chức đang làm việc tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố quản lý và giao biên chế.

- Nhóm 2: Viên chức đang làm việc trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập

tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc khối chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý và giao biên chế; những người được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng là viên chức hoặc được tuyển dụng theo quy định về tuyển dụng viên chức đang làm việc tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố quản lý và giao biên chế.

(Sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức).

Đối với phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng, Ủy ban nhân dân thành phố có bổ sung thêm *“những người đã được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng là công chức, viên chức hoặc được tuyển dụng theo quy định về tuyển dụng công chức, viên chức đang làm việc tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố quản lý và giao biên chế”*, lý do:

Theo Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng, đối tượng áp dụng là cán bộ, công chức, viên chức, không có những người làm việc tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ. Tuy nhiên, tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, có một số trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng theo quy định về tuyển dụng công chức, viên chức.

Điều a khoản 3 Điều 40 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội quy định: *“Người trong độ tuổi lao động có quyết định của cơ quan có thẩm quyền phân công, điều động đến làm việc tại hội và người được tuyển dụng trong chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho hội thì được hưởng chế độ chính sách theo quy định đối với cán bộ, công chức ...”*.

Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức quy định: *“Đơn vị sự nghiệp thuộc tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị sự nghiệp công lập; ... được áp dụng các quy định tại Nghị định này để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với những người làm việc trong đơn vị sự nghiệp”*.

Căn cứ quy định của pháp luật và thực tế thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố đề xuất bổ sung các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và những người đã được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng là công chức, viên chức hoặc được tuyển dụng theo quy định về tuyển dụng công chức, viên chức đang làm việc tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố quản lý và giao biên chế vào phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị quyết.

2.2. Nguyên tắc thực hiện

- Thu nhập bình quân tăng thêm được thực hiện trên cơ sở hiệu quả công việc của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Việc đánh giá hiệu quả công việc căn cứ theo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định.

- Việc chi trả thu nhập bình quân tăng thêm của năm nào thì căn cứ vào kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức của năm đó và được chi trả vào năm sau liền kề.

- Trường hợp có thời gian công tác trong năm dưới 6 tháng hoặc không còn công tác đến thời điểm đánh giá, xếp loại: Cơ quan, đơn vị sử dụng có trách nhiệm đánh giá hiệu quả công việc, làm cơ sở chi trả thu nhập bình quân tăng thêm đối với thời gian công tác thực tế trong năm đó. Trường hợp chuyển công tác trước thời điểm đánh giá, xếp loại đến cơ quan, đơn vị không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị quyết: Cơ quan, đơn vị trước khi chuyển công tác căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại theo quy định, làm cơ sở chi trả thu nhập bình quân tăng thêm đối với thời gian công tác thực tế tại cơ quan, đơn vị trước khi chuyển công tác trong năm đó.

2.3. Thời gian tính chi trả và mức chi trả thu nhập bình quân tăng thêm

- Thời gian tính chi trả thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2026.

- Hệ số điều chỉnh thu nhập bình quân tăng thêm được tính theo lần mức lương ngạch bậc, chức vụ hoặc mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo, thực hiện như sau:

Năm	Hệ số điều chỉnh thu nhập bình quân tăng thêm			
	Nhóm 1		Nhóm 2	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>
Từ năm 2025 đến năm 2026	0,8	0,6	0,6	0,4

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH

- Sửa đổi, bổ sung tên dự thảo Nghị quyết như sau:

“Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố Hải Phòng quản lý”

- Điều chỉnh thời gian tính chi trả thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2026.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện chi trả thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý là nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương còn dư, được sử dụng như sau:

- (1). Nguồn kinh phí cải cách tiền lương ngân sách cấp tỉnh.
- (2). Nguồn kinh phí cải cách tiền lương ngân sách cấp xã.

2. Dự kiến kinh phí thực hiện

Trên cơ sở số liệu cán bộ, công chức, viên chức được đánh giá, phân loại năm 2024 và bình quân mức chi thu nhập bình quân tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức năm 2024, dự kiến kinh phí chi thu nhập bình quân tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức thành phố như sau:

- Tổng kinh phí năm 2025 (6 tháng cuối năm):

+ Nhóm 1: 459.393,375 triệu đồng

+ Nhóm 2: 1.082.295,756 triệu đồng

- Tổng kinh phí năm 2026:

+ Nhóm 1: 918.786,750 triệu đồng

+ Nhóm 2: 2.164.591,512 triệu đồng

=> Tổng kinh phí thực hiện: 4.625.067,393 triệu đồng (*Chi tiết tại Biểu kèm theo*).

3. Thời gian trình thông qua

Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, thông qua Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố Hải Phòng quản lý tại kỳ họp 30 (kỳ họp chuyên đề) của Hội đồng nhân dân thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định (*xin gửi kèm theo dự thảo Nghị quyết và các tài liệu có liên quan*)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Văn phòng ĐDBQH&HĐNDTP;
- Các Sở: TP, TC, NV;
- CVP, PCVP UBND TP;
- Các Phòng: NVKTGS, TC;
- Lưu: VT, P.T.Nguyệt.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Hùng

BIỂU TÔNG HỢP DỰ KIẾN MỨC CHI THU NHẬP BÌNH QUÂN TĂNG THÊM CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

STT	Năm	Tổng số lượng cán bộ, công chức, viên chức		Dự kiến số lượng % người được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên		Dự kiến số lượng cán bộ, công chức, viên chức được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên		Dự kiến mức chi thu nhập bình quân tăng thêm người/01 năm		Dự kiến tổng mức chi thu nhập bình quân tăng thêm		Dự kiến tổng mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức	Ghi chú
		Cán bộ, công chức	Viên chức	Cán bộ, công chức	Viên chức	Cán bộ, công chức	Viên chức	Cán bộ, công chức	Viên chức	Cán bộ, công chức	Viên chức		
1	6 tháng cuối năm 2025	12196	65484	99,01%	99,45%	12075	65124	76.090.000	33.238.000	459.393.375.000	1.082.295.756.000	1.541.689.131.000	
2	Năm 2026	12196	65484	99,01%	99,45%	12075	65124	76.090.000	33.238.000	918.786.750.000	2.164.591.512.000	3.083.378.262.000	
	Tổng	12196	65484	99,01%	99,45%	12075	65124	76.090.000	33.238.000	1.378.180.125.000	3.246.887.268.000	4.625.067.393.000	

Số: /2025/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

(Dự thảo)

NGHỊ QUYẾT

Về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố Hải Phòng quản lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 52/2019/QH14 ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Thực hiện Thông báo số ...-TB/TU ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc ...;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố Hải Phòng quản lý; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng

nhân dân thành phố số /BC-KTNS ngày tháng năm 2025; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố Hải Phòng quản lý.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý và giao biên chế; những người đã được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng là công chức, viên chức hoặc được tuyển dụng theo quy định về tuyển dụng công chức, viên chức đang làm việc tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố quản lý và giao biên chế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nhóm 1: Cán bộ, công chức đang làm việc trong các cơ quan thuộc khối chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý và giao biên chế; những người đã được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng là công chức hoặc được tuyển dụng theo quy định về tuyển dụng công chức đang làm việc tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố quản lý và giao biên chế.

2. Nhóm 2: Viên chức đang làm việc trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc khối chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý và giao biên chế; những người đã được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng là viên chức hoặc được tuyển dụng theo quy định về tuyển dụng viên chức đang làm việc tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố quản lý và giao biên chế.

(Sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức).

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Thu nhập bình quân tăng thêm được thực hiện trên cơ sở hiệu quả công việc của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Việc đánh giá hiệu quả công việc căn cứ theo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định.

2. Việc chi trả thu nhập bình quân tăng thêm của năm nào thì căn cứ vào kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức của năm đó và được chi trả vào năm sau liền kề.

3. Trường hợp có thời gian công tác trong năm dưới 6 tháng hoặc không còn công tác đến thời điểm đánh giá, xếp loại: Cơ quan, đơn vị sử dụng có trách nhiệm đánh giá hiệu quả công việc, làm cơ sở chi trả thu nhập bình quân tăng thêm đối với thời gian công tác thực tế trong năm đó. Trường hợp chuyển công tác trước thời điểm đánh giá, xếp loại đến cơ quan, đơn vị không thuộc phạm vi

điều chỉnh tại Nghị quyết: Cơ quan, đơn vị trước khi chuyển công tác căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại theo quy định, làm cơ sở chi trả thu nhập bình quân tăng thêm đối với thời gian công tác thực tế tại cơ quan, đơn vị trước khi chuyển công tác trong năm đó.

Điều 4. Thời gian tính chi trả và mức chi trả thu nhập bình quân tăng thêm

1. Thời gian tính chi trả thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026.

2. Hệ số điều chỉnh thu nhập bình quân tăng thêm được tính theo lần mức lương ngạch bậc, chức vụ hoặc mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo, thực hiện như sau:

Năm	Hệ số điều chỉnh thu nhập bình quân tăng thêm			
	Nhóm 1		Nhóm 2	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>
Từ năm 2025 đến năm 2026	0,8	0,6	0,6	0,4

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chi trả thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức là nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương còn dư, bao gồm:

1. Nguồn kinh phí cải cách tiền lương ngân sách cấp tỉnh.
2. Nguồn kinh phí cải cách tiền lương ngân sách cấp xã.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025 và thay thế Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND.

2. Tổ chức thực hiện

a) Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và các cơ quan, đơn vị căn cứ Nghị quyết này để thực hiện bảo đảm đúng quy định.

b) Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khoá XVI, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH, Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ Nội vụ);
- TTTU, TT HĐND, UBNDTP;
- Đoàn ĐBQH TP HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban của HĐND TP;
- Đại biểu HĐNDTP khóa XVI;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- TT cấp ủy, TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Công báo HP, Cổng TTĐT TP;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình HP;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 226/2025/QH15

NGHỊ QUYẾT

Về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng (sau đây gọi là Thành phố) về quản lý đầu tư; quản lý tài chính, ngân sách nhà nước; quản lý quy hoạch, đô thị, tài nguyên và môi trường; quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức, chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao; thành lập và hoạt động của Khu thương mại tự do Thành phố (sau đây gọi là Khu TMTD).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.
2. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp.
3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo* là doanh nghiệp được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh.

2. *Doanh nghiệp đổi mới sáng tạo* là doanh nghiệp thực hiện cải tiến sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh, quy trình quản lý trên cơ sở đổi mới công nghệ, sáng tạo tri thức nhằm nâng cao hiệu suất, giá trị gia tăng, hiệu quả kinh tế - xã hội và chất lượng cuộc sống.

3. *Dự án đổi mới sáng tạo* là dự án tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới, quy trình mới hoặc cải tiến sản phẩm, dịch vụ, quy trình đã có vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh để tạo ra giá trị gia tăng và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội.

4. *Không gian đổi mới sáng tạo, khu làm việc chung* là khu vực cung cấp không gian làm việc tập trung, không gian trưng bày sản phẩm, cung cấp các tiện ích để hỗ trợ, liên kết các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

5. *Tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ* là cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức khoa học và công nghệ; hệ thống chuẩn đo lường, phòng thí nghiệm trọng điểm; khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hạ tầng thông tin, thông kê khoa học và công nghệ.

6. *Cơ sở ươm tạo dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo* (sau đây gọi là cơ sở ươm tạo) là cơ sở cung cấp các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết cho các dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hoàn thiện ý tưởng kinh doanh, phát triển doanh nghiệp trong giai đoạn mới thành lập.

7. *Trung tâm logistics* là loại hình kết cấu hạ tầng đồng bộ, nơi thực hiện các hoạt động liên quan đến vận tải, dịch vụ logistics và phân phối hàng hóa, bao gồm các dịch vụ nhận hàng, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, tư vấn khách hàng, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, giao hàng và các thủ tục, dịch vụ khác có liên quan đến hàng hóa.

Trung tâm logistics được kết nối với các phương thức vận tải khác như đường bộ, đường sắt, đường biển, đường thủy nội địa, đường hàng không nhằm thực hiện các hoạt động liên quan đến vận tải, dịch vụ logistics và phân phối hàng hóa.

8. *Thử nghiệm có kiểm soát* là việc thử nghiệm công nghệ, sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh mới có tính đổi mới sáng tạo trong điều kiện thực tế với phạm vi được giới hạn dưới sự kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong một số lĩnh vực mà pháp luật chưa quy định, chưa cho phép thực hiện hoặc

quy định của pháp luật hiện hành không phù hợp với đặc điểm, tính năng mới của công nghệ, sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh được đề xuất thử nghiệm nhằm khuyến khích hoạt động đổi mới sáng tạo và làm cơ sở đánh giá, hoàn thiện trước khi đưa vào ứng dụng chính thức.

9. Ký hiệu thị thực, ký hiệu thẻ tạm trú cấp cho người nước ngoài:

a) UĐ1 - Cấp cho người nước ngoài là chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao làm việc tại doanh nghiệp có trụ sở chính trong Khu TMTD;

b) UĐ2 - Cấp cho vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi của người nước ngoài là chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao làm việc tại doanh nghiệp có trụ sở chính trong Khu TMTD.

Chương II

THÍ ĐIỂM MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Điều 4. Về quản lý đầu tư

1. Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển Hải Phòng; chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển Hải Phòng đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án quy định tại khoản này được thực hiện theo trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư áp dụng đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức quản lý, bảo trì các tuyến đường thủy nội địa quốc gia trên địa bàn Thành phố; tổ chức quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia trên địa bàn Thành phố.

Ngân sách Thành phố được hưởng 100% số thu phí, lệ phí từ tuyến đường thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia và từ quản lý hoạt động cảng, bến thủy nội địa trên địa bàn Thành phố. Thành phố được sử dụng nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện việc đầu tư, bảo trì

tuyến đường thủy nội địa, cảng, bến thủy nội địa trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước

1. Thành phố được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ vay về cho Thành phố vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 120% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách Thành phố hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Hằng năm, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ hoạt động xuất, nhập khẩu (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) so với dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao để thực hiện đầu tư các dự án, công trình kết cấu hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, Khu TMTD và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của đảo Bạch Long Vĩ nhưng không vượt quá tổng số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện thu năm trước và ngân sách trung ương không hụt thu.

3. Chính sách phí, lệ phí trên địa bàn Thành phố được quy định như sau:

a) Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định áp dụng phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ án phí, lệ phí Tòa án và các loại phí, lệ phí thuộc nguồn thu ngân sách trung ương hưởng 100%;

b) Ngân sách Thành phố được hưởng 100% số thu tăng thêm từ các khoản thu do việc điều chỉnh chính sách phí, lệ phí quy định tại điểm a khoản này để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, các nhiệm vụ chi khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố; các khoản thu này không tính vào số thu cân đối ngân sách địa phương và không dùng để thực hiện chính sách cải cách tiền lương;

c) Việc thí điểm thực hiện chính sách phí, lệ phí trên địa bàn Thành phố quy định tại điểm a khoản này bảo đảm có lộ trình, công khai, minh bạch, phù hợp với khả năng và yêu cầu phát triển của Thành phố.

4. Việc thí điểm cơ chế tài chính thực hiện biện pháp giảm phát thải khí nhà kính theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon được quy định như sau:

a) Tín chỉ các-bon hình thành từ các chương trình, dự án theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon đầu tư từ nguồn vốn của ngân sách Thành phố được giao dịch với các nhà đầu tư trong nước, nước ngoài. Ủy ban nhân dân Thành phố phối hợp với các Bộ: Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng,

Tài chính xác định tỷ lệ đóng góp về lượng giảm phát thải, hấp thụ khí nhà kính trên địa bàn Thành phố cho mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của quốc gia trước khi giao dịch tín chỉ các-bon;

b) Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành trình tự, thủ tục đầu tư và quyết định việc lựa chọn nhà đầu tư. Nguồn thu từ giao dịch tín chỉ các-bon là nguồn thu ngân sách Thành phố được hưởng 100%; các khoản thu này không tính vào số thu cân đối ngân sách địa phương;

c) Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định việc sử dụng nguồn thu từ giao dịch tín chỉ các-bon cho các chương trình, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn trên địa bàn Thành phố.

Điều 6. Về quản lý quy hoạch, đô thị, tài nguyên và môi trường

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn Thành phố được thực hiện như sau:

a) Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết được lập đồng thời với việc lập đồ án quy hoạch chi tiết;

b) Thực hiện đồng thời việc lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đối với nhiệm vụ lập quy hoạch và lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan đối với đồ án quy hoạch chi tiết;

c) Việc thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết được thực hiện trước, làm cơ sở thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố được bán nhà chung cư thuộc tài sản công do Thành phố xây dựng từ ngân sách nhà nước hoặc theo hình thức hợp đồng BT hình thành từ sau ngày 31 tháng 12 năm 1994 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2025. Việc bán nhà chung cư được thực hiện như sau:

a) Đối tượng được quyền mua nhà là các hộ dân đã ký kết hợp đồng thuê nhà chung cư đó lần đầu với cơ quan nhà nước trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 hoặc các hộ dân thuộc diện di dời các chung cư cũ, phải di dời do giải phóng mặt bằng;

b) Trình tự, thủ tục bán nhà chung cư thực hiện theo trình tự, thủ tục bán nhà ở cũ thuộc tài sản công theo quy định của pháp luật về nhà ở;

c) Ủy ban nhân dân Thành phố quy định giá bán nhà chung cư (bao gồm chi phí để thu hồi vốn đầu tư xây dựng và giá trị quyền sử dụng đất) cho các đối tượng quy định điểm a khoản này bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, không để thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

3. Trình tự, thủ tục thực hiện thu hồi đất đối với các dự án khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung có quy mô trên 100 ha; cụm công nghiệp, dự án đầu tư trong khu kinh tế, trung tâm logistics có quy mô trên

50 ha; dịch vụ logistics có quy mô đến 50 ha; dự án đầu tư trong Khu TMTD; dự án mà công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được tách thành dự án độc lập theo quy định pháp luật về đầu tư công được thực hiện như sau:

a) Căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành danh mục các dự án tổ chức thực hiện trước việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất và thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản này;

b) Căn cứ danh mục dự án quy định tại điểm a khoản này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai ban hành thông báo tổ chức thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất.

Thông báo tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất được gửi đến người sử dụng đất và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư;

c) Trên cơ sở thông báo tại điểm b khoản này, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về đất đai được phép triển khai việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thông báo thu hồi đất.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất.

Người sử dụng đất có trách nhiệm phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

d) Sau khi lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai ban hành thông báo thu hồi đất và sử dụng kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định thu hồi đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai;

đ) Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng ngân sách địa phương thực hiện các nội dung quy định tại điểm c khoản này và ban hành trình tự, thủ tục thực hiện quy định tại khoản này.

4. Ngoài các trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 79 của Luật Đất đai, Thành phố được thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trong các trường hợp sau đây:

a) Trung tâm logistics phục vụ cảng biển, cảng hàng không, cảng thủy nội địa trên địa bàn Thành phố với quy mô trên 50 ha;

b) Dịch vụ logistics phục vụ cho cảng biển, cảng hàng không, cảng thủy nội địa trên địa bàn Thành phố với quy mô đến 50 ha.

5. Thành phố được cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với dự án quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

6. Nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án quy định tại điểm a khoản 4 Điều này có quyền và nghĩa vụ như đối với nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai.

7. Ngoài các trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 79 của Luật Đất đai, Thành phố được thu hồi các thửa đất nhỏ hẹp do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng, nằm xen kẹt trong khu dân cư nhằm tạo quỹ đất đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích phát triển đô thị, thương mại - dịch vụ theo quy định về thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Việc thu hồi phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

a) Không đủ điều kiện, diện tích tối thiểu để hình thành khu đô thị, khu dân cư nông thôn;

b) Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch chung, quy hoạch phân khu được phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, quy hoạch chung xã đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c) Không thuộc khu vực đất thực hiện các dự án, công trình đã được xác định trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, công bố công khai;

d) Không có tranh chấp, khiếu nại, vi phạm hoặc có tranh chấp, khiếu nại, vi phạm nhưng đã có văn bản giải quyết theo quy định của pháp luật;

đ) Hội đồng nhân dân Thành phố quy định tiêu chí cụ thể để xác định thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt theo nguyên tắc bảo đảm lợi ích của người dân, cộng đồng, xã hội.

8. Trình tự, thủ tục thu hồi đất đối với các trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 7 Điều này được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

9. Ủy ban nhân dân Thành phố được quyết định chuyển mục đích đất trồng lúa nước từ 2 vụ trở xuống có diện tích dưới 500 ha, đất rừng sản xuất có diện tích dưới 1.000 ha phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Trường hợp thu hồi đất thực hiện các dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung có quy mô trên 100 ha; cụm công nghiệp, dự án đầu tư trong Khu TMTD, khu dịch vụ logistics có quy mô trên 50 ha mà vượt chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia được phân bổ thì Thành phố cập nhật kết quả chỉ tiêu sử dụng đất vào kỳ phân bổ tiếp theo.

Điều 7. Về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo

1. Hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo, vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn Thành phố được áp dụng các ưu đãi về thuế như sau:

a) Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 05 năm từ thời điểm phát sinh thuế thu nhập phải nộp đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phát sinh trên địa bàn Thành phố.

Trường hợp doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu thì thực hiện nộp thuế theo quy định tương ứng;

b) Miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp của các cá nhân, tổ chức có khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, quyền góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn Thành phố; thời hạn miễn thuế là 05 năm kể từ thời điểm cá nhân, tổ chức có hoạt động góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn Thành phố;

c) Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo do thực hiện công việc tại các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn Thành phố;

d) Hội đồng nhân dân Thành phố quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục ưu đãi thuế quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

2. Ngân sách Thành phố hỗ trợ không hoàn lại cho các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, bao gồm:

a) Chi phí ươm tạo, phát triển dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo bao gồm: chi phí tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia; tiền công lao động trực tiếp; dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung;

b) Chi phí cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo bao gồm: hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm, trung tâm thử nghiệm kiểm định, giám định, khu làm việc chung; tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; hỗ trợ các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình mới; tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp; đào tạo, huấn luyện chuyên sâu; khai thác thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo.

3. Việc đầu tư, quản lý, khai thác và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng, trang thiết bị phục vụ phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo được quy định như sau:

a) Hội đồng nhân dân Thành phố được quyết định đầu tư, nâng cấp, mở rộng, phát triển và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ từ nguồn ngân sách Thành phố; được quyết định cho các tổ chức, cá nhân khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và các tổ chức, cá nhân hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thuê trực tiếp tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ không thông qua đấu giá để hoạt động;

b) Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nội dung, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, tiêu chí và đối tượng được hỗ trợ. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định hình thức, trình tự, thủ tục hỗ trợ quy định tại khoản này;

c) Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ; quyết định đơn vị được giao tài sản; phê duyệt đề án quản lý, khai thác và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ.

4. Việc hỗ trợ phát triển lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo được quy định như sau:

a) Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định các chương trình, dự án và hỗ trợ chi phí đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng học chuyên ngành vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; quy định tiêu chí, tiêu chuẩn tuyển dụng và chính sách hỗ trợ về chế độ đãi ngộ về thu nhập, chi phí lưu trú đối với các chuyên gia, nhà khoa học làm việc trên địa bàn Thành phố trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo;

b) Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định đầu tư toàn bộ hoặc góp vốn với nhà đầu tư, doanh nghiệp và tổ chức để xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, đào tạo, phát triển vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo.

5. Việc thử nghiệm có kiểm soát các giải pháp công nghệ mới được quy định như sau:

a) Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc thử nghiệm có kiểm soát trong thời hạn nhất định đối với các công nghệ cao, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới trong khu công nghiệp, khu kinh tế có hoạt động về công nghệ cao, công nghệ thông tin tập trung, Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, không gian đổi mới sáng tạo do ngân sách Thành phố đầu tư;

b) Thời hạn thực hiện thử nghiệm có kiểm soát tối đa là 03 năm và có thể được xem xét gia hạn 01 lần không quá 03 năm;

c) Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm cho ý kiến kịp thời đối với các nội dung mà Ủy ban nhân dân Thành phố có yêu cầu tham vấn;

d) Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tiêu chí, điều kiện lựa chọn và trình tự, thủ tục đăng ký, thẩm định, cấp phép thực hiện thử nghiệm có kiểm soát;

đ) Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện thử nghiệm có kiểm soát được phép không áp dụng một số quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, về điều kiện kinh doanh, trình tự, thủ tục cấp phép, bảo đảm điều kiện kinh doanh và các quy định khác không phù hợp với đặc điểm, tính năng mới của công nghệ, sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh được đề xuất thử nghiệm.

Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định phạm vi miễn áp dụng các quy định của pháp luật đối với từng dự án thử nghiệm cụ thể phù hợp với yêu cầu, mục đích thử nghiệm theo đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố trên cơ sở đánh giá về mức độ rủi ro và khả năng kiểm soát;

e) Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thử nghiệm có kiểm soát, cơ quan hướng dẫn, kiểm soát và người hướng dẫn, kiểm soát được miễn trách nhiệm hành chính, miễn trách nhiệm kỷ luật; được miễn trách nhiệm dân sự trong trường hợp gây ra thiệt hại cho Nhà nước trong quá trình thực hiện thử nghiệm có kiểm soát do nguyên nhân khách quan, mặc dù đã thực hiện đầy đủ quy trình, quy định về thử nghiệm.

Trong trường hợp gây ra thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác thì tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thử nghiệm có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật và được Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, hỗ trợ một phần kinh phí bồi thường từ ngân sách Thành phố trên cơ sở tính chất, mức độ thiệt hại, khả năng cân đối của ngân sách Thành phố.

Trong trường hợp cơ quan hướng dẫn, kiểm soát và người hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm đã biết về nguy cơ rủi ro đối với quá trình thử nghiệm nhưng không có biện pháp phù hợp để ngăn chặn, hạn chế mức độ thiệt hại xảy ra hoặc tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thử nghiệm đã biết về nguy cơ rủi ro nhưng không kịp thời thông tin, báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền và không tiến hành các biện pháp phù hợp để ngăn chặn, hạn chế mức độ thiệt hại có thể xảy ra thì không được miễn trừ trách nhiệm theo quy định tại điểm này.

6. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khoa học và công nghệ nhằm tạo ra sản phẩm, hàng hoá từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên địa bàn Thành phố được hưởng các ưu đãi sau:

- a) Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- b) Được Nhà nước cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất;
- c) Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nội dung, mức, thời gian, tiêu chí và đối tượng được hưởng ưu đãi. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định hình thức, trình tự, thủ tục ưu đãi quy định tại khoản này.

7. Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng ứng dụng công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao trên địa bàn Thành phố được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 20 năm, miễn thuế 04 năm và giảm 50% thuế 09 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ việc thực hiện các dự án quy định tại khoản này.

Việc xác định thời điểm áp dụng thuế suất ưu đãi, thời điểm được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

8. Quỹ đầu tư mạo hiểm của Thành phố:

a) Thành phố được thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm để đầu tư vốn vào các dự án công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nhằm hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ;

b) Quỹ đầu tư mạo hiểm được bố trí vốn điều lệ từ ngân sách Thành phố, được nhận tài trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Việc quản lý, sử dụng các nguồn vốn của Quỹ đầu tư mạo hiểm được thực hiện theo nguyên tắc thị trường, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí và chấp nhận rủi ro;

c) Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng đề án thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm trình Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt, trong đó xác định rõ hình thức tổ chức hoạt động của Quỹ; thời gian hoạt động của Quỹ; đối tượng được nhận hỗ trợ; đối tượng được đầu tư vốn; mức hỗ trợ vốn điều lệ từ ngân sách Thành phố; phương thức đầu tư, đối tượng hợp tác, nhận vốn đầu tư; cơ chế tái đầu tư, cơ chế đánh giá, kiểm soát rủi ro, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, phân bổ, sử dụng Quỹ đầu tư mạo hiểm của Thành phố;

d) Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt đề án, quy định cơ chế tổ chức hoạt động của Quỹ đầu tư mạo hiểm, trách nhiệm kiểm tra, giám sát, báo cáo kết quả thực hiện. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập, ban hành điều lệ, quy chế đầu tư của Quỹ đầu tư mạo hiểm;

đ) Miễn trách nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sử dụng vốn từ Quỹ đầu tư mạo hiểm để đầu tư vốn vào các dự án công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nhằm hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ trong trường hợp đã thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định về đầu tư, không tư lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhưng có thiệt hại do nguyên nhân khách quan.

Điều 8. Về thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức, chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao

Thành phố thực hiện cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. Sau khi ngân sách Thành phố bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành trong thời gian thực hiện Nghị quyết này, Hội đồng nhân dân Thành phố được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để chi:

1. Thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do Thành phố quản lý theo hiệu quả công việc với mức không quá 0,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ hoặc mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo;

2. Thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao làm việc trên địa bàn Thành phố. Mức chi do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.

Điều 9. Thành lập Khu Thương mại tự do Thành phố

1. Khu TMTD là khu vực có ranh giới địa lý xác định, được thành lập để thực hiện thí điểm các cơ chế, chính sách đặc thù vượt trội, mang tính đột phá nhằm thu hút đầu tư, tài chính, thương mại, du lịch, dịch vụ chất lượng cao thúc đẩy xuất khẩu, công nghiệp, hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D), thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

2. Khu TMTD được tổ chức thành các khu chức năng, bao gồm: Khu sản xuất, khu cảng và hậu cần cảng, trung tâm logistics, khu thương mại - dịch vụ và các loại hình khu chức năng khác theo quy định của pháp luật. Các khu chức năng trong Khu TMTD đáp ứng điều kiện khu phi thuế quan theo quy định của pháp luật được bảo đảm hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan của cơ

quan hải quan và hoạt động quản lý nhà nước theo lĩnh vực tương ứng của các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền và trình tự, thủ tục thành lập Khu TMTD được quy định như sau:

a) Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập, mở rộng điều chỉnh ranh giới Khu TMTD gắn với Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải và Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng. Trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng, điều chỉnh ranh giới Khu TMTD được thực hiện theo trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng, điều chỉnh ranh giới như đối với khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung Thành phố trong ranh giới Khu TMTD;

c) Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về Khu TMTD theo quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế. Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện quản lý nhà nước trực tiếp đối với Khu TMTD; quản lý và tổ chức thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp trong Khu TMTD.

Điều 10. Các cơ chế, chính sách trong Khu Thương mại tự do Thành phố

1. Về đơn giản hóa thủ tục hành chính:

a) Trừ các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận đầu tư của Quốc hội theo quy định của Luật Đầu tư, nhà đầu tư thực hiện các dự án trong Khu TMTD được thực hiện thủ tục đầu tư đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư trong các ngành, nghề, lĩnh vực sau: đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp mạch tích hợp bán dẫn, công nghệ thiết kế, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip, vật liệu bán dẫn; công nghệ thông tin; công nghệ sinh học; công nghệ vật liệu mới; công nghệ tự động hóa; công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao; công nghiệp mũi nhọn; hạ tầng năng lượng, hạ tầng số; đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng, trung tâm hội chợ triển lãm hàng hóa, trung tâm logistics, trung tâm thương mại, cảng cạn, kho hàng hóa và dịch vụ logistics;

b) Nhà đầu tư nước ngoài thành lập tổ chức kinh tế trong Khu TMTD không phải có dự án đầu tư và không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước khi thành lập tổ chức kinh tế. Trường hợp thực hiện dự án đầu tư, nhà đầu tư hoặc tổ chức kinh tế thực hiện thủ tục đăng ký đầu tư theo quy định.

Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện trình tự, thủ tục thành lập tổ chức kinh tế như áp dụng đối với nhà đầu tư trong nước theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật khác tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế. Cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế kiểm tra việc đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường của ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư;

c) Doanh nghiệp có trụ sở và hoạt động trong các khu chức năng thuộc Khu TMTD được hưởng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu trên địa bàn Thành phố khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan, thuế, tài chính và pháp luật có liên quan, trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu;

d) Miễn kiểm tra chuyên ngành đối với: hàng hóa đã được chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, chứng nhận đã áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực theo quy định của bộ quản lý ngành, lĩnh vực; hàng hóa đã có kết quả đánh giá sự phù hợp được thừa nhận theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Quy định tại điểm này không áp dụng trong trường hợp Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có cảnh báo về an toàn thực phẩm, lây lan dịch bệnh, gây nguy hại cho sức khỏe, tính mạng con người, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, nguy hại cho kinh tế, định hướng bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia hoặc cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo dừng áp dụng chế độ miễn kiểm tra chuyên ngành;

đ) Miễn thị thực và cấp thẻ tạm trú 10 năm cho người nước ngoài là chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao (kí hiệu UĐ1) và các thành viên gia đình (kí hiệu UĐ2) làm việc tại doanh nghiệp có trụ sở chính trong Khu TMTD.

Sau khi có ý kiến của Bộ Công an và các Bộ, ngành có liên quan, Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành quy định tiêu chí đối với người nước ngoài là chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao.

2. Trừ các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, Ủy ban nhân dân Thành phố được giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu dự án có sử dụng đất đối với dự án đầu tư trong Khu TMTD quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Ngoài các trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 79 của Luật

Đất đai, Ủy ban nhân dân Thành phố được thực hiện thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư trong Khu TMTD để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Nhà đầu tư có dự án đầu tư trong Khu TMTD được Ủy ban nhân dân Thành phố cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu chức năng thuộc Khu TMTD có quyền và nghĩa vụ như đối với nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định khung giá cho thuê cơ sở hạ tầng trong Khu TMTD.

3. Việc sử dụng đất đối với các loại đất trong Khu TMTD được thực hiện trên cơ sở chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia đã được cấp có thẩm quyền phân bổ cho Thành phố. Trường hợp vượt chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia được phân bổ thì Thành phố cập nhật vào kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tiếp theo.

4. Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng được thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Cấp các loại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho hàng hóa sản xuất tại Khu TMTD;

b) Cấp, cấp đổi, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đối với các dự án thực hiện trong Khu TMTD không phải lấy ý kiến các cơ quan quản lý;

c) Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép lao động và giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc trong Khu TMTD. Hồ sơ cấp, cấp lại, gia hạn không yêu cầu thông báo tuyển dụng để xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài;

d) Trình tự, thủ tục thực hiện các nội dung quy định tại các điểm a, b và c khoản này được thực hiện theo trình tự, thủ tục thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Về ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước và ưu đãi về thuế:

a) Các dự án đầu tư trong Khu TMTD được miễn toàn bộ tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê, trừ các dự án xây dựng nhà ở, dự án trên đất thương mại, dịch vụ;

b) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng phát sinh tại địa bàn Khu TMTD thuộc ngành, nghề, lĩnh vực quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 của Nghị quyết này được áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 30 năm, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong

09 năm tiếp theo; sau thời hạn ưu đãi được áp dụng thuế suất 15%.

Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng phát sinh tại địa bàn Khu TMTD không thuộc ngành, nghề, lĩnh vực quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 của Nghị quyết này được áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo; sau thời hạn ưu đãi được áp dụng thuế suất 15%.

Việc xác định thời điểm áp dụng thuế suất ưu đãi, thời điểm được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp;

c) Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế đối với hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) bằng 200% chi phí thực tế của hoạt động này khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí nghiên cứu và phát triển (R&D) thực tế được xác định theo quy định của pháp luật về kế toán;

d) Giảm 50% thuế thu nhập cá nhân trong 10 năm cho chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng, nhà quản lý, người lao động có trình độ cao có thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh do thực hiện công việc tại Khu TMTD;

đ) Đối với các khu chức năng thuộc Khu TMTD đáp ứng điều kiện khu phi thuế quan theo quy định của pháp luật:

Hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi giữa các khu chức năng, giữa nước ngoài với các khu chức năng, giữa các khu chức năng với khu phi thuế quan hoặc với các khu chức năng thuộc Khu TMTD khác đáp ứng điều kiện khu phi thuế quan được áp dụng chính sách thuế như khu phi thuế quan theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật Thuế giá trị gia tăng. Quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa khu chức năng trong Khu TMTD đáp ứng điều kiện khu phi thuế quan với khu vực bên ngoài trừ Khu TMTD khác là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về hải quan, thuế và xuất khẩu, nhập khẩu.

6. Hoạt động đầu tư, kinh doanh khác trong Khu TMTD:

a) Nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện hoạt động kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu được thực hiện theo pháp luật về quản lý ngoại thương;

b) Các doanh nghiệp có trụ sở chính và có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Khu TMTD được niêm yết, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng bằng ngoại tệ và thanh toán, nhận thanh toán với nhau bằng ngoại tệ chuyển khoản từ việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ trong Khu TMTD.

7. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mở phòng giao dịch trong Khu TMTD ngoài trụ sở chi nhánh.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ có trách nhiệm sau đây:

- a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp với chính quyền địa phương ở Thành phố cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xử lý các vấn đề chưa phân cấp, phân quyền cho Thành phố;
- b) Xem xét, ban hành văn bản theo thẩm quyền để quy định các nội dung chưa được quy định hoặc để giải quyết những bất cập phát sinh trong quản lý, phát triển Khu TMTD bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản hóa thủ tục hành chính, mở rộng việc phân cấp, ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; trường hợp vượt thẩm quyền, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định;
- c) Sơ kết việc thí điểm thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù áp dụng đối với Thành phố và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2028; tổng kết và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2030. Riêng đối với các cơ chế, chính sách cho Khu TMTD thực hiện sơ kết và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2030; tổng kết và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2035;
- d) Ban hành kịp thời các cơ chế, chính sách theo thẩm quyền nhằm sửa đổi, bổ sung các quy định phù hợp để giải quyết những bất cập phát sinh trong thực tiễn quản lý, phát triển Thành phố.

2. Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân Thành phố đề cao trách nhiệm, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Nghị quyết này, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả; không để trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí.

3. Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

- a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
- b) Sơ kết, tổng kết việc thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù quy định tại Nghị quyết này, báo cáo Chính phủ theo quy định tại khoản 1 Điều này;
- c) Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật;
- d) Đối với những quy định chưa phù hợp hoặc có nội dung khác chưa được quy định trong luật và Nghị quyết của Quốc hội, để đáp ứng yêu cầu cấp thiết

trong huy động nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội xem xét, quyết định; trong thời gian giữa hai kỳ họp, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Việc xây dựng, ban hành văn bản cụ thể hóa chính sách quy định tại điểm này được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn.

4. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố và đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

2. Thời gian thực hiện thí điểm:

a) Thời gian thực hiện thí điểm các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố là 05 năm; riêng đối với các cơ chế, chính sách quy định tại Điều 9, Điều 10 của Nghị quyết này, thời gian thực hiện thí điểm là 10 năm;

b) Sau khi kết thúc thời gian thực hiện thí điểm, việc thực hiện các cơ chế chính sách, đặc thù phát triển Thành phố quy định tại Chương II của Nghị quyết này được thực hiện như sau:

Các chính sách, dự án và các đối tượng khác đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định thực hiện theo các cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này chưa kết thúc thì được tiếp tục triển khai theo các quyết định đã ban hành.

Trường hợp thời gian ưu đãi cho các đối tượng theo quy định tại Nghị quyết này chưa kết thúc thì được tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc thời gian ưu đãi.

3. Các dự án nằm trong phạm vi ranh giới Khu TMTD đã được chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc được chấp thuận nhà đầu tư, đã được giao đất, cho thuê đất trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và đang thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh thì tiếp tục thực hiện theo các quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp Nghị quyết này quy định ưu đãi đầu tư cao hơn thì nhà đầu tư, tổ chức kinh tế được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của Nghị quyết này cho đến hết thời gian thực hiện dự án.

4. Trường hợp các dự án quy định tại Điều 7, Điều 10 của Nghị quyết này thuộc diện hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành với mức cao hơn hoặc được hưởng hình thức ưu đãi khác so với quy định tại Nghị quyết này thì tiếp tục được hưởng ưu đãi đó theo quy định của pháp luật.

5. Các cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này được áp dụng cho thành phố Hải Phòng sau khi thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh (thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương hợp nhất thành Thành phố mới có tên là thành phố Hải Phòng).

6. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng theo quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì việc áp dụng do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2025.



Trần Thanh Mẫn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **05** /2022/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày **20** tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng;

Xét Tờ trình số 113/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý;

Báo cáo thẩm tra số 09/BC-BPC ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể và những người được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng là công chức, viên chức hiện đang làm việc tại các Hội đặc thù, do thành phố quản lý và giao biên chế được cơ quan có thẩm quyền đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Nhóm 1: Cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan thuộc khối chính quyền, Đảng, đoàn thể (bao gồm cả cán bộ, công chức cấp xã) và những người được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng là công chức hiện đang làm việc tại các Hội đặc thù, do thành phố quản lý và giao biên chế.

b) Nhóm 2: Viên chức làm việc trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên thuộc khối chính quyền, Đảng, đoàn thể và những người được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng là viên chức hiện đang làm việc tại các Hội đặc thù, do thành phố quản lý và giao biên chế.

(Sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức)

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Thu nhập bình quân tăng thêm được thực hiện trên cơ sở hiệu quả công việc của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Việc đánh giá hiệu quả công việc căn cứ theo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định.

2. Việc chi trả thu nhập bình quân tăng thêm của năm nào thì căn cứ vào kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức của năm đó và được chi trả vào năm sau liền kề.

3. Căn cứ nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương của thành phố từng năm trong giai đoạn 2022 - 2026 và tình hình thực tế khi triển khai thực hiện cải cách chính sách tiền lương quốc gia theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018, mức chi thu nhập bình quân tăng thêm, các nhóm đối tượng áp dụng và các nội dung liên quan khác có thể xem xét điều chỉnh.

Điều 3. Mức chi trả thu nhập bình quân tăng thêm

Hệ số điều chỉnh thu nhập bình quân tăng thêm được tính theo lần mức lương ngạch bậc, chức vụ hoặc mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo, thực hiện theo lộ trình như sau:

Năm	Hệ số điều chỉnh thu nhập bình quân tăng thêm			
	Nhóm 1		Nhóm 2	
	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>	<i>Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên</i>	<i>Hoàn thành nhiệm vụ</i>
2022	0,6	0,4	0,4	0,2
2023	0,7	0,5	0,5	0,3
Từ 2024 đến 2026	0,8	0,6	0,6	0,4

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chi trả thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức là nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương còn dư, bao gồm:

1. Nguồn kinh phí cải cách tiền lương còn dư của ngân sách thành phố.
2. Nguồn kinh phí cải cách tiền lương còn dư của ngân sách cấp dưới.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022 và được thực hiện trong 05 năm./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ QH, Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Vụ Pháp chế (Ban Tổ chức TU);
- Vụ Pháp chế (Bộ Nội vụ);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Thành ủy, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- UBMTTQ VN TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Đại biểu HĐNDTP khóa XVI;
- Các VP: TU, ĐDBQH và HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Các quận ủy, huyện ủy;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện;
- Công TTĐT TP, Công báo HP;
- Báo Hải Phòng, Đài PT và TH TP;
- CV VP ĐDBQH và HĐND TP;
- Lưu: VT, HSKH.



Phạm Văn Lập

PHÒNG HẢI PHÒNG

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **01** /2023/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 18 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng;

Xét Tờ trình số 37/TTr-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý; Báo cáo thẩm tra số

09/BC-BPC ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý.

1. Bổ sung đối tượng áp dụng vào khoản 2 Điều 1 như sau:

- Bổ sung vào cuối điểm a: “Những người được tuyển dụng theo quy định về tuyển dụng công chức tại các Hội đặc thù”.

- Bổ sung vào cuối điểm b: “Những người được tuyển dụng theo quy định về tuyển dụng viên chức tại các Hội đặc thù”.

2. Bổ sung khoản 4 Điều 2 như sau:

“4. Trường hợp có thời gian công tác trong năm dưới 6 tháng hoặc không còn công tác đến thời điểm đánh giá, xếp loại: Cơ quan, đơn vị sử dụng có trách nhiệm đánh giá hiệu quả công việc, làm cơ sở chi trả thu nhập bình quân tăng thêm đối với thời gian công tác thực tế trong năm đó. Trường hợp chuyển công tác trước thời điểm đánh giá, xếp loại đến cơ quan, đơn vị không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND: Cơ quan, đơn vị trước khi chuyển công tác căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại theo quy định, làm cơ sở chi trả thu nhập bình quân tăng thêm đối với thời gian công tác thực tế tại cơ quan, đơn vị trước khi chuyển công tác trong năm đó”.

3. Bổ sung khoản 5 Điều 2 như sau:

“5. Thời gian tính chi trả thu nhập bình quân tăng thêm từ ngày 01/01/2022”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. Đối với các trường hợp cụ thể phát sinh khác, căn cứ vào quy định của Nghị quyết và các quy định của pháp luật liên quan, giao Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố khoá XVI, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ QH, Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Vụ Pháp chế (Ban Tổ chức TU);
- Vụ Pháp chế (Bộ Nội vụ);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT TU; TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQ VN TP;
- Các Ban HĐND TP;
- ĐB HĐNDTP khóa XVI;
- Các VP: TU, ĐDBQH và HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Các quận ủy, huyện ủy;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện;
- Công TTĐT TP, Công báo HP;
- Báo Hải Phòng, Đài PT và TH HP;
- CV VP ĐDBQH và HĐND TP;
- Lưu: VT, HSKH.



Phạm Văn Lập

TH
NQH

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7592/SNV-CCVC

Hải Phòng, ngày 25 tháng 9 năm 2025

V/v trình dự thảo Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các

Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố Hải Phòng quản lý

VĂN PHÒNG UBND TP. HẢI PHÒNG
ĐẾN Số: 50425
Ngày: 03/10/2025

Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT L.N.Châu	X	
PCT TT L.A.Quân		
PCT N.M.Hùng		
PCT T.V.Quân		
PCT H.M.Cường		
CVP H.V.Thực		
PCVP N.H.Long		
PCVP T.V.Thiện	X	
PCVP N.T.Hùng		
PCVP P.A.Tuấn		
PCVP P.Q.Hưng		
PCVP P.H.Hoàng		
P. NV&KT,GS		
P. NC		
P. NN&MT		
P. TC		
P. TH		
P. VX		
P. XD&CT		
Ban TCDTP		
P. HC-QT		
TTPVHCCTP		
TTHN&NKTP		
Cổng TTĐTTP		

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025;
Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15 ngày 24/6/2025;
Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-HĐND ngày 18/8/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc chấp thuận xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố Hải Phòng quản lý;

Thực hiện Công văn số 7698/VP-NVKTGS ngày 18/8/2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về việc xây dựng Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố Hải Phòng quản lý; theo đó giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở: Tư pháp, Tài chính và các đơn vị có liên quan khẩn trương tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố Hải Phòng đảm bảo trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố.

Sở Nội vụ đã triển khai các bước xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố Hải Phòng quản lý (sau đây gọi chung là Nghị quyết) theo trình tự, thủ tục rút gọn, cụ thể như sau:

- Sở Nội vụ xây dựng dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

- Ngày 09/9/2025, Sở Nội vụ có Công văn số 6978/SNV-CCVC xin ý kiến Sở Tài chính, Sở Tư pháp về dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.

- Đến ngày 15/9/2025, Sở Nội vụ nhận được các văn bản tham gia ý kiến: Công văn số 3195/STP-XDVB ngày 12/9/2025 của Sở Tư pháp và Công văn số 5759/STC-TCHCSN ngày 11/9/2025 của Sở Tài chính.

- Sau khi tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của Sở Tài chính, Sở Tư pháp; ngày 17/9/2025, Sở Nội vụ đã có Công văn số 7278/SNV-CCVC gửi Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo quy định.

- Ngày 25/9/2025, Sở Tư pháp có Báo cáo số 377/BC-STP thẩm định dự thảo Nghị quyết. Sở Nội vụ đã tiếp thu và giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (Báo cáo số 225/BC-SNV ngày 25/9/2025) và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

Thực hiện Quy chế số 01-QC/TU ngày 01/7/2025 của Thành ủy Hải Phòng về Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hải Phòng (sau hợp nhất), nhiệm kỳ 2020 - 2025, Sở Nội vụ báo cáo, kính trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, báo cáo Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố xin ý kiến Ban Thường vụ Thành ủy về việc ban hành Nghị quyết về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ do thành phố Hải Phòng quản lý trước khi trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, thông qua tại kỳ họp chuyên đề tháng 9/2025.

(Xin gửi kèm theo các dự thảo: Công văn của Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố xin ý kiến Ban Thường vụ Thành ủy, Tờ trình Hội đồng nhân dân thành phố, Nghị quyết và các tài liệu khác có liên quan)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, PGD Trần Thu Hương;
- Lưu: VT, P.CCVC.



GIÁM ĐỐC

Vũ Tiến Phụng